| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – CÀ MAU**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 226/2025/DS-ST
Ngày 09-9-2025
V/v tranh chấp hụi

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hoàng Giang

Ông Trần Văn Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2025/TLST-DS ngày 24/4/2025 về "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu Q, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N1 (có mặt).

Bà Lê Thị Cẩm T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Q trình bày:***

- Ngày 15 tháng 01 năm 2019 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 55 phần (chưng) hụi, ông N tham gia 01 chưng, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng. Hụi khui đến lần thứ 54 thì ông N hốt hụi được số tiền 48.750.000 đồng. Ông N1,

bà T chung được số tiền 28.750.000 đồng, còn lại số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả.

- Ngày 30 tháng 7 năm 2019 (âm lịch), ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 60 chưng, ông N tham gia 01 chưng hụi, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng. Hụi khui đến lần thứ 43 thì ông N1, bà T tuyên bố đình hụi. Tính theo hụi sống ông N1, bà T còn nợ số tiền là 43.000.000 đồng.

- Ngày 30 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 75 chưng, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, ông N có tham gia 01 chưng hụi. Ông N đóng hụi đến lần thứ 13 thì ông N1, bà T tuyên bố đình hụi. Tính theo hụi sống ông N1, bà T còn nợ số tiền 13.000.000 đồng.

- Ngày 15 tháng 02 năm 2021 (âm lịch), ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 60 chưng, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, ông N có tham gia 01 chưng hụi. Ông N đóng hụi đến lần thứ 04 thì ông N1, bà T tuyên bố đình hụi. Tính theo hụi sống ông N1, bà T còn nợ số tiền 4.000.000 đồng. Ông N nhiều lần yêu cầu ông N1, bà T trả tiền nhưng cứ hứa hẹn đến nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Q yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T trả cho nguyên đơn số tiền hụi 80.000.000 đồng (T1 mươi triệu đồng).

***Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh N1 trình bày:***

Ông N1 có mở các dây hụi về thời gian mở hụi, số phần hụi nguyên đơn ông Lê Ngọc N tham gia và việc đình hụi đúng như nguyên đơn trình bày. Ông N1 thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền đúng như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên do các hụi viên khác không đóng hụi chết cho ông nên không có tiền để thanh toán tiền nợ hụi cho nguyên đơn. Ông N1 không có ký tên nhận nợ nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Cẩm T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Ông Lê Ngọc N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh N1 và bà Lê Thị Cẩm T trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hụi"* theo quy định tại Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau. Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thị Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị Cẩm T theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn xác định dây hụi mở ngày 15 tháng 01 năm 2019 (âm lịch) nguyên đơn tham gia 01 chưng, hụi khui đến lần thứ 54 thì hốt hụi được số tiền 48.750.000 đồng. Bị đơn trả được số tiền 28.750.000 đồng, còn lại số tiền 20.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 30 tháng 7 năm 2019 (âm lịch), nguyên đơn tham gia 01 chưng hụi. Nguyên đơn đóng hụi đến lần thứ 43 thì bị đơn tuyên bố đình hụi, bị đơn còn nợ số tiền 43.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 30 tháng 9 năm 2020 (âm lịch), nguyên đơn tham gia 01 chưng hụi. Nguyên đơn đóng hụi đến lần thứ 13 thì bị đơn tuyên bố đình hụi, bị đơn còn nợ số tiền 13.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 15 tháng 02 năm 2021 (âm lịch), nguyên đơn có tham gia 01 chưng hụi. Hụi khui đến lần thứ 04 thì bị đơn tuyên bố đình hụi. Bị đơn còn nợ số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T trả cho nguyên đơn số tiền hụi 80.000.000 đồng (T1 mươi triệu đồng). Bị đơn ông Nguyễn Minh N1 thừa nhận ông có mở các dây hụi về thời gian mở hụi, số phần hụi nguyên đơn ông N tham gia và việc đình hụi đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền đúng như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên do các hụi viên khác không đóng hụi chết cho bị đơn nên không có tiền để thanh toán tiền nợ hụi cho nguyên đơn. Bị đơn không có ký tên nhận nợ nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có tham gia giao dịch hụi là thực tế xảy ra và còn nợ tiền hụi đúng như nguyên đơn yêu cầu.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Cẩm T có trách nhiệm cùng với bị đơn ông N1 trả số tiền nợ hụi 80.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Ngọc N, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N1, bà Lê Thị Cẩm T trả cho ông Lê Ngọc N số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí số tiền 4.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí số tiền 2.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0004064 ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cà Mau) được hoàn lại.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3-Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Minh Luân**